

CÔNG TY CP KHO VẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PETEC

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc



Số: 01/2022/TT.ĐHĐCĐ2022

TP.HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ hiện hành của Công ty CP Kho vạn PETEC;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC, với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Bảng cân đối kế toán :

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/3/2022
I	TỔNG TÀI SẢN	37,945,769,899
1	TÀI SẢN NGẮN HẠN	4,646,164,032
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	942,738,586
1.2	Các khoản phải thu	2,184,021,385
1.3	Hàng tồn kho	1,451,359,780
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	68,044,281
2	TÀI SẢN DÀI HẠN	33,299,605,867
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	166,000,000
2.2	Tài sản cố định	25,552,041,785
2.3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7,225,475,335
2.4	Tài sản dài hạn khác	356,088,747
II	TỔNG NGUỒN VỐN	37,945,769,899
1	NỢ PHẢI TRẢ	45,016,730,839
1.1	Nợ ngắn hạn	39,872,666,339
	Trong đó: Phải trả cho người bán ngắn hạn	6,566,547,742

1.2	Nợ dài hạn <i>Trong đó : Phải trả dài hạn khác</i>	5,144,064,500 5,144,064,500
2	VỐN CHỦ SỞ HỮU Trong đó: <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	(7,070,960,940) 71,925,500,000 1,929,061,690 (80,925,522,630)

2. Kết quả kinh doanh :

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/3/2022
1	Tổng doanh thu, bao gồm :	82,353,142,992
1.1	- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	82,312,293,451
1.2	- Doanh thu hoạt động tài chính	40,849,375
1.3	- Thu nhập khác	166
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN, bao gồm:	2,550,113,583
2.1	- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,620,113,417
2.2	- Lợi nhuận khác	(69,999,834)
3	Thuế TNDN	
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,550,113,583

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./



Hoàng Minh Tuấn



CÔNG TY CP KHO VẬN

PETEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 02/2022/TT.ĐHCD2022

TP.HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: - Chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022

Theo Điều lệ của Công ty CP Kho vận Petec thì việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tuy nhiên, vào thời điểm hiện nay chưa có đủ điều kiện để trình Đại hội cổ đông quyết định chọn một tổ chức kiểm toán cụ thể.

Kính đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT và BKS quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022 theo phương thức chỉ định một trong những Công ty kiểm toán nằm trong danh sách dưới đây là các Công ty kiểm toán được Bộ Tài Chính chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2022:

- 1/ Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán phía nam (AASCS)
- 2/ Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
- 3/ Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Kính trình ĐHCĐ thông qua,

TM Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch



Hoàng Minh Tuấn

CÔNG TY CP KHO VẬN
PETEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 03/2022/TT.ĐHCD2022

TP.HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: - Chi thù lao HĐQT và BKS năm 2022

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Kho vận PETEC;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động SXKD tại Công ty CP Kho vận PETEC.

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông mức chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 là 30.000.000 đồng/tháng đúng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và tình hình hoạt động SXKD của Công ty, Hội đồng quản trị đề nghị mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 là 40.000.000 đồng/tháng (*Bốn mươi triệu đồng một tháng*).

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ tự quyết định mức chi cho từng thành viên.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua.

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch



Hoàng Minh Tuấn

Số: 04/2022/TT.ĐHĐCĐ2022

TPHCM, ngày 27 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: “Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP kho vận Petec;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty CP kho vận Petec.

Hội đồng quản trị Công ty CP kho vận Petec kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận cho năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/03/2021	(83.475.636.213)
2.	Lợi nhuận trước thuế năm 2021	2.550.113.583
3.	Thuế thu nhập DN năm 2021	0
4.	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	2.550.113.583
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/03/2022	(80.925.522.630)

Vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/03/2022 âm nên việc chia cổ tức không thực hiện.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định thông qua.

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch



Hoàng Minh Tuấn



Số: 05/2022/TT.ĐHCD2022

TPHCM, ngày 27 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Về việc: gia hạn hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)
Chi nhánh Quận 4

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (17/06/2020);
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kho vận Petec;
- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0390/2021/HĐTD-DN ký ngày 10/11/2021 giữa Công ty CP Kho vận Petec và Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Quận 4;
- Căn cứ nhu cầu vay vốn để đảm bảo ổn định dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2022;

Căn cứ Điều 27.2.10 Điều lệ công ty quy định chức năng của Đại hội đồng cổ đông: “Quyết định việc huy động vốn bằng phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các quan hệ tín dụng có quy mô từ 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất”.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Quý cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1/ Thông qua việc đề nghị được cấp tín dụng với tổng số tiền tối đa là 31.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ đồng chẵn) tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Quận 4 (OCB) và không hạn chế số lần tái cấp tín dụng tại OCB.

2/ Thông qua việc dùng các tài sản dưới đây để bảo đảm cho mọi nghĩa vụ của Công ty phát sinh từ việc cấp tín dụng:

- + Bất động sản (Bao gồm: Tài sản gắn liền với đất) tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 28; Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên; Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành: BD586326, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT00042 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/04/2011, cập nhập thay đổi ngày 11/01/2017 và ngày 13/02/2017;
- + Các tài sản thuộc Công ty CP Kho Vận Petec, các thành viên góp vốn và các bên liên quan được OCB chấp thuận.

3/ Ủy quyền cho ông Huỳnh Xuân Hồng – CCCD số 001062047479, ngày cấp 10/05/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Chức vụ: Giám đốc của Công ty thực hiện tất cả các thủ tục liên quan đến việc cấp tín dụng, dùng tài sản để bảo đảm nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch



Hoàng Minh Tuấn



Số: 06/2022/TT.ĐHCD2022

TPHCM, ngày 27 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát
nhiệm kỳ 2017-2022

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (17/06/2020);
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kho vận PETEC;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty CP Kho vận Petec nhiệm kỳ 2017-2022 ký ngày 01/07/2022 của ông Bùi Minh Hiệp;
- Căn cứ Nghị quyết số 20/2017-2022/NQ-HĐQT ngày 13/07/2022 của Hội đồng quản trị đã đồng ý và thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty CP Kho vận Petec nhiệm kỳ 2017-2022.

Theo quy định tại Điều lệ Công ty CP Kho vận Petec, nhằm đảm bảo công tác quản trị của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Công ty; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022 như sau:

1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Petec nhiệm kỳ 2017-2022 hiện nay có 03 người bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm TV HĐQT
1	Ô. Hoàng Minh Tuấn	Chủ tịch	14/07/2017
2	Ô. Huỳnh Xuân Hồng	Thành viên	14/07/2017
3	Ô. Bùi Minh Hiệp	Thành viên	14/01/2022

- Căn cứ theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ Công ty; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:
 - Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Hoàng Minh Tuấn và ông Huỳnh Xuân Hồng do kết thúc thời hạn nhiệm kỳ 2017-2022 là 05 (năm) năm theo quy định.

- Căn cứ theo Đơn Từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của ông Bùi Minh Hiệp ký ngày 01/07/2022, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Bùi Minh Hiệp do vấn đề cá nhân không thể tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

2. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty CP Kho vận Petec nhiệm kỳ 2017-2022 hiện nay có 03 người bao gồm:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm TV BKS
1	Ô. Hoàng Anh Tuấn	Trưởng BKS	14/07/2017
2	Ô. Vũ Xuân Hiền	Thành viên	24/09/2020
3	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	14/01/2022

Căn cứ theo Điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều 54 Điều lệ Công ty; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Hoàng Anh Tuấn do kết thúc thời hạn nhiệm kỳ 2017-2022 là 05 (năm) năm theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch



Hoàng Minh Tuấn



Số: 07/2022/TT.ĐHCD2022

TPHCM, ngày 27 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Về số lượng thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2027

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kho vận PETEC;
- Căn cứ theo Tờ trình số 06/2022/TT.ĐHCD2022 về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022;

1/ Số lượng thành viên HĐQT:

HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 đã hết nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông 2022 bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2022-2027. Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

- Theo Điều lệ, số lượng thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Kho vận Petec có từ 03 đến 09 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 dự kiến trình Đại hội là 03 (ba) người. Trong đó, có 01 (một) ủy viên chuyên trách.

2/ Số lượng thành viên BKS:

Ban Kiểm soát Công ty CP Kho vận Petec nhiệm kỳ 2017-2022 hiện nay có 03 người bao gồm:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm TV BKS
1	Ô. Hoàng Anh Tuấn	Trưởng BKS	14/07/2017
2	Ô. Vũ Xuân Hiền	Thành viên	24/09/2020
3	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	14/01/2022

Trong đó:

- Ông Hoàng Anh Tuấn đã được miễn nhiệm chức danh thành viên BKS do hết nhiệm kỳ 05 năm theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Hai thành viên là ông Vũ Xuân Hiền và bà Trần Thị Thanh Thủy vẫn còn thời gian đảm nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Như vậy, theo Điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều 52 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ bầu bổ sung 01 (một) thành viên tham gia Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027. Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 sẽ có 03 (ba) thành viên. Trong đó, có ít nhất 01 (một) ủy viên chuyên trách.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./

TM. Hội Đồng Quản Trị 

Chủ tịch



Hoàng Minh Tuấn



BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

(Niên độ 01/04/2021 đến 31/03/2022)

PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2022

(Niên độ 01/04/2022 đến 31/03/2023)

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

I. Kết quả SXKD so với năm 2020:

CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay	So với năm trước (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	69,259,294,316	82,312,293,451	118.85%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	69,259,294,316	82,312,293,451	118.85%
3.1 Doanh thu dịch vụ cho thuê kho	16,411,610,818	17,098,627,017	
3.2 Doanh thu bán lẻ xăng dầu	5,604,261,762	14,420,254,612	
3.3 Doanh thu bán buôn xăng dầu	47,243,421,736	50,793,411,822	
4. Giá vốn hàng bán	58,180,829,397	71,001,594,795	122.04%
4.1 Giá vốn dịch vụ cho thuê kho	6,728,003,769	7,187,262,270	
4.2 Giá vốn bán lẻ xăng dầu	5,255,315,343	13,485,176,332	
4.3 Giá vốn bán buôn xăng dầu (Chưa bao gồm phí vận chuyển)	46,197,510,285	50,329,156,193	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,078,464,919	11,310,698,656	102.10%
5.1 Lợi nhuận gộp dịch vụ cho thuê kho	9,683,607,049	9,911,364,747	
5.2 Lợi nhuận gộp bán lẻ xăng dầu	348,946,419	935,078,280	
5.3 Lợi nhuận gộp bán buôn xăng dầu	1,045,911,451	464,255,629	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	37,858,228	40,849,375	
6.1 Lãi tiền gửi	4,198,972	932,640	
6.2 Chênh lệch tỷ giá	33,659,256	39,916,735	
7. Chi phí tài chính	2,767,639,240	2,256,321,137	81.53%
7.1 Chi phí lãi vay	2,767,639,240	2,256,321,137	81.53%
7.2 Chênh lệch tỷ giá	0	0	
8. Chi phí bán hàng - kinh doanh xăng dầu	2,656,134,299	2,241,469,483	84.39%
8.1 Chi phí lương và các khoản có tính chất lương	1,175,841,812	1,215,424,650	
8.2 Chi phí tiếp khách, vận chuyển và chi phí khác	1,480,292,487	1,026,044,833	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,073,399,541	4,402,504,168	108.08%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,619,150,067	2,451,253,243	151.39%
11. Thu nhập khác, hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(166,996,122)	925,533,040	
11.1 Thu nhập khác	242,959,393	166	
11.2 Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(409,955,515)	925,532,874	

12. Chi phí khác	34,031,750	826,672,700	
13. Lợi nhuận khác	(201,027,872)	98,860,340	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,418,122,195	2,550,113,583	179.82%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	
17. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	1,418,122,195	2,550,113,583	179.82%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	197	355	

II. Kết quả SXKD so với kế hoạch 2021 tại ĐHĐCĐ 2021:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	(%) So với kế hoạch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	82,312,293,451	104,100,000,000	79.07%
2. Giá vốn hàng bán	71,001,594,795	92,000,000,000	77.18%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,310,698,656	12,100,000,000	93.48%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	40,849,375		
5. A- Chi phí tài chính từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2,256,321,137	2,500,000,000	90.25%
- Trong đó : chi phí lãi vay	2,256,321,137		
6. Chi phí bán hàng	2,241,469,483	2,800,000,000	80.05%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,402,504,168	4,400,000,000	100.06%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,451,253,243	2,400,000,000	102.14%
9. Thu nhập khác, hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	925,533,040		
9.1 Thu nhập khác	166		
9.2 Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	925,532,874		
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec Land	20,000,000		
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec	905,532,874		
10. Chi phí khác	826,672,700		
10.1 Dự phòng nợ phải thu khó đòi CHXD số 1	6,672,700		
10.2 Chi phí phải trả khác - CHXD Ngọc Diệp	750,000,000		
10.3 Chi phí phải trả khác - Chứng khoán	70,000,000		
11. Lợi nhuận khác	98,860,340		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,550,113,583	2,400,000,000	106.25%

III. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh:

1 – Các khoản mục doanh thu giảm, không đạt kế hoạch (triệu đồng)

- Kinh doanh xăng dầu: 20.787

- Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ kd xăng dầu: 200
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho và phụ trợ kho: 802
- Điều chỉnh niên độ tính tiền cho thuê Điện mặt trời giảm doanh thu: 230

2 – Các khoản mục chi phí giảm giúp tăng lợi nhuận (triệu đồng)

- Chi phí bán hàng: 414
- Chi phí lãi vay: 511

IV. Phân tích theo từng hoạt động kinh doanh:

1. Kinh doanh xăng dầu:

Trong năm 2021, hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty đã ổn định, một số mục tiêu chủ yếu đối với kinh doanh xăng dầu đã đạt được:

- Duy trì dòng tiền, thanh khoản cho hoạt động SXKD của Công ty với tổng doanh thu 65 tỷ/năm (bình quân: 5,5 tỷ đồng/tháng) đã đảm bảo cho việc đáo nợ ngân hàng, không phát sinh nợ quá hạn.

- Công nợ đối với khách hàng xăng dầu không thay đổi, nợ luân chuyển đối với khách hàng bán buôn duy trì ở mức 1,1 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp của kinh doanh xăng dầu là: 1,399 tỷ đồng (Tổng sản lượng: 3.894 m³, trong đó, bán buôn: 3.157 m³; bán lẻ là 737 m³).

- + Bán buôn đạt lợi nhuận gộp 464 trđ/tổng chi phí 767 trđ (chi phí bao gồm: lương nhân viên P.XD, vận chuyển, chi phí khác...) đạt mục đích đề ra, lợi nhuận gộp bình quân 147đ/lít.

- + Bán lẻ đạt lợi nhuận gộp 935 trđ/tổng chi phí 1,473 tỷ đồng (chi phí bán lẻ xăng dầu tăng thêm 149 trđ so với mức 1,324 tỷ của năm 2020), lợi nhuận gộp bình quân là: 1.268 đ/lít.

Một số yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động KDXD:

- Khu vực CHXD số 01 ở Bình Dương và CHXD Củ Chi, Tp.HCM có nhiều cây xăng cùng tọa lạc trên cùng một tuyến đường với khoảng cách gần nhau nên mức độ cạnh tranh rất gay gắt.

- Vi ệc phong tỏa các hoạt động đi lại trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát làm giảm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu. Ngoài ra, việc tổ chức làm việc ba tại chỗ theo quy định của chính quyền trong thời gian phong tỏa đã làm phát sinh rất nhiều chi phí để duy trì hoạt động cho các CHXD.

2. Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh xăng dầu:

Mảng kinh doanh này được xây dựng trên kế hoạch năm 2021 với doanh thu 0,2 tỷ và lợi nhuận 0,1 tỷ, chủ yếu phục vụ cho hệ thống cây xăng của Tổng Công ty Petec trên cơ sở tận dụng nguồn nhân lực hiện có của Công ty. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên khách quan cũng như sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị cung cấp dịch vụ này, dẫn đến công ty không có doanh thu đối với hoạt động này.

3. Dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ phụ trợ kho:

- Năm 2021, dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực sâu rộng đến toàn bộ hoạt động sản xuất cũng như làm gián đoạn, đứt gãy các chuỗi cung ứng hàng hóa trên thế giới. Riêng tại Việt Nam, đặt biệt từ đầu tháng 05/2021, tình hình dịch Covid bùng phát mạnh dẫn đến việc chính quyền các địa phương phải phong tỏa hoạt động đi lại, mua bán, thương mại gây khó khăn rất lớn đối với toàn bộ các doanh nghiệp. Các khách hàng đang thuê kho bắt buộc phải thu hẹp hoạt động sản xuất cũng như giảm nhu cầu lưu trữ hàng hóa tại kho và có công văn đề nghị Công ty giảm giá thuê kho để có thể duy trì tiếp tục hoạt động tại kho. Trước tình hình khó khăn chung, Công ty đã cố gắng đàm phán giảm một phần tiền thuê kho một cách hợp lý nhất cho khách hàng hiện hữu nhằm chia sẻ khó khăn và cùng khách hàng duy trì ổn định hoạt động kinh doanh qua thời điểm đó.

- Công ty phải phát sinh rất nhiều chi phí cho việc duy trì hoạt động ba tại chỗ cho cán bộ, nhân viên theo quy định của chính quyền địa phương trong thời gian phong tỏa để phòng chống dịch.

- Cuối tháng 12/2021, do hoạt động kinh doanh khó khăn nên khách hàng Công ty Bao bì Nông sản Miền nam đã thông báo trả lại kho thuê có diện tích 2.778m² do hết hợp đồng. Hiện Công ty nỗ lực tìm kiếm và đàm phán cho khách hàng mới thuê phần diện tích còn trống này.

4. Chuyển nhượng và thanh lý tài sản:

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua Tờ trình về việc chuyển nhượng CHXD số 01 tại Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết để chỉ đạo và cùng phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc tìm kiếm các khách hàng tiềm năng có nhu cầu nhận chuyển nhượng. Công ty đã tổ chức bán đấu giá tài sản lần thứ nhất vào tháng 09/2019 qua Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An nhưng không thành công do chỉ có một khách hàng đăng ký tham gia đấu giá. Trong năm 2020 và 2021 HĐQT và Ban Điều hành đã nỗ lực giới thiệu nhưng vẫn chưa có khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá mua tài sản với mức giá như kỳ vọng nên đến nay vẫn chưa thể hoàn thành công việc này.

5. Tình hình tài chính và công nợ:

Hiện với phần tài sản (40.000m² đất và 23.328 m² kho), trong đó phần đất đã được chủ đầu tư KCN đóng đủ tiền thuê đất 1 lần cho Nhà Nước, Ngân hàng OCB đã định giá và ký hợp đồng tín dụng mới với Công ty từ tháng 11/2021, với hạn mức tín dụng mới là 30,322 tỷ, dư nợ đầu kỳ (tháng 04/2021) là 28,147 tỷ, dư nợ cuối kỳ (tháng 03/2022) là: 26,237 tỷ, hạn mức khả dụng cuối kỳ của Công ty là: 4,085 tỷ.

Trong năm Công ty đã giảm được 691 Trđ trong khoản nợ kinh doanh xăng dầu cho Tổng Công ty PETEC (từ mức 4,899 tỷ xuống còn 4,208 tỷ), hiện công nợ lưu chuyển Công ty đang cho khách hàng nợ ở mức 1,1 tỷ đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Về xử lý nợ xấu, trong năm 2021 Hội Đồng Quản Trị đã tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tích cực triển khai các biện pháp nhằm thu hồi nợ xấu, tuy nhiên kết quả đạt được là không khả quan. Nguyên nhân là: một số khách hàng có dính dáng pháp luật và chủ doanh nghiệp đã trốn khỏi nơi cư trú, có khách hàng thì nợ quá lớn và tài sản đã bị ngân hàng xử lý hết, có khách hàng thì tài sản đang bị tranh chấp...

Tổng công nợ xấu, quá hạn không có khả năng thu hồi là 17.615.089.449 đồng. Trong đó:

- + Nợ quá hạn các năm trước là 17.598.407.699 đồng.
- + Nợ quá hạn phát sinh thêm trong năm 2020 là 33 trđ, do khách nợ của CHXD số 1 đang gặp khó khăn về tài chính, chưa thanh toán được số tiền đã mua. Tính đến thời điểm tháng 03/2022, Công ty đã trích nợ dự phòng khó đòi đối với khách hàng là 70% trên số nợ khó đòi (trong năm 2021 trích thêm 6,6 triệu đồng). Toàn bộ, các khoản nợ xấu trên đã được trích lập dự phòng nợ khó đòi trên 99%, hoàn tất trong năm tài chính 2015.

6. Hoạt động đầu tư tài chính:

Nhìn chung hoạt động tài chính và đầu tư của Công ty trong năm 2021 không có biến động gì lớn. Ngoài trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính bao gồm: TCT PETEC (đầu tư ban đầu 11,55 tỷ); PETEC LAND (đầu tư ban đầu 10 tỷ). Tổng lũy kế trích lập dự phòng đầu tư tài chính là: 14,329 tỷ đồng, (hoàn nhập dự phòng trong năm đối với Công ty Petec là: 906 trđ, hoàn nhập dự phòng Petec Land là: 20 trđ).

V. Công tác nhân sự, lao động và tiền lương:

Trên cơ sở tổng quỹ lương kế hoạch 2021 đã được duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 là 5,8 tỷ, tổng chi phí đã trả cho người lao động theo quyết toán 2021 đã được kiểm toán là: 5,818 tỷ. Trong đó: – lương bình quân: 14,2 trđ/người/tháng.

Công ty đã cơ cấu lại tổ chức nhằm mục đích nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí trên tổng số nhân sự là 34 người.

VI. Công tác quản lý và điều hành của Ban điều hành:

Công tác quản lý và điều hành, phân nhiệm giữa Ban giám đốc và các Phòng ban, các bộ phận đã được thực hiện tốt. Trong thời gian dịch bệnh, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, ban Điều hành đã tổ chức sắp xếp nhân sự, thời gian làm việc đảm bảo các qui định về phòng chống dịch và mọi hoạt động sản xuất kinh doanh được thông suốt, liên tục.

VII. Công tác tổ chức và quản trị điều hành của Hội Đồng Quản Trị:

Trong năm 2021, nhằm kịp thời chỉ đạo toàn diện mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ngoài những cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ, Hội Đồng Quản Trị còn tổ chức những cuộc họp bất thường đối với một số vấn đề cần giải quyết, việc quản trị điều hành của Hội Đồng Quản Trị là xuyên suốt và xoay quanh các vấn đề như:

- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021.
- Tập trung vào việc tìm kiếm khách hàng thuê kho.
- Cắt giảm các nguyên nhân gây lỗ.
- Thúc đẩy công tác xử lý và thu hồi nợ khó đòi.
- Tiết giảm chi phí như: giảm chi phí thường xuyên.

Ngày 14/01/2022, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết về việc:

- + Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Vũ Anh Cường kể từ ngày 15/11/2021.
- + Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Bùi Minh Hiệp kể từ ngày 14/01/2022.
- + Bầu ông Bùi Minh Hiệp làm thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017-2022.
- + Bầu bà Trần Thị Thanh Thủy làm thành viên Ban Kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017-2022.

Kết quả đạt được trong năm 2021 trong hoàn cảnh khó khăn chung của nền kinh tế do dịch bệnh Covid là có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, có một số điểm cần phải nỗ lực hơn nữa, các khó khăn và nguyên nhân đã được nêu ra trong phần trên của Báo cáo. Nhằm mục đích giải quyết khó khăn, cũng như những tồn đọng hiện tại, tạo điều kiện đưa Công ty tới một bước ổn định toàn diện và phát triển vững chắc, trên cơ sở phương án tái cơ cấu lại tài sản, cải thiện tình hình tài chính đã được thực hiện thành công, cũng như thực hiện các biện pháp tìm kiếm khách hàng, ổn định sản xuất kinh doanh, Hội Đồng Quản Trị đã xây dựng phương án duy trì ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh... trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2022, làm cơ sở để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022.

B. PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2022

I. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD 2022:

- Dịch bệnh Covid-19 đã phần nào được kiểm soát trên phạm vi toàn thế giới. Tuy nhiên, vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ có thể bùng phát trở lại do các biến chủng mới. Ngoài ra, tình hình địa chính trị trên thế giới và xung đột giữa Nga – Ukraina có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của chuỗi cung ứng hàng hóa, làm gia tăng lạm phát và khủng hoảng năng lượng, lương thực trên toàn cầu theo khuyến cáo của các tổ chức quốc tế. Đây là một nguy cơ có thể gây khó khăn cho việc phục hồi kinh tế ở bất kỳ thời điểm nào do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan.
- Việt Nam có nhiều biện pháp kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Covid-19 lây lan trong cộng đồng cũng như việc triển khai tiêm vắc-xin từ cuối năm 2020 tạo tâm lý vững vàng và niềm tin vào việc phục hồi và duy trì ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp đang hoạt động cũng như các doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào thị trường Việt Nam.
- Niềm tin của các nhà đầu tư quốc tế đối với sự phục hồi ổn định của kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã tăng lên đáng kể thông qua các dự án FDI mới đăng ký.
- Hạn mức hiện tại Ngân hàng TMCP OCB cấp theo hợp đồng tín dụng tháng 11/2021 là 30,322 tỷ đồng. Hiện tại, hạn mức khả dụng đầu năm tài chính của Công ty là: 4,085 tỷ; chi phí lãi vay bình quân: 180 trđ/tháng. Công ty vẫn tiếp tục làm việc với Ngân hàng OCB để thiết lập hạn mức mới, bổ sung vốn lưu động cho Công ty, nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, khôi phục và phát triển một số ngành hàng mà Công ty đã có nhiều kinh nghiệm.

191
GT
HÀ
VÂN
EC
HÀ

- Ngoài hạn mức ngân hàng nói trên, để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, Công ty còn nhận được sự hỗ trợ về tài chính của Tổng Công ty PETEC thông qua khoản nợ bán hàng trả chậm, mức nợ đầu kỳ hiện tại là: 4,208 tỷ.
- Do không đủ điều kiện làm Thương nhân phân phối hoặc Tổng đại lý, việc bán buôn cho khách hàng cửa hàng xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhằm duy trì dòng tiền của Công ty, cũng như doanh thu và lợi nhuận, Công ty cố gắng duy trì hoạt động kinh doanh xăng dầu ở mức độ hiện tại và tìm kiếm cơ hội phát triển ngành hàng này trong điều kiện cho phép.

II. Định hướng phát triển của công ty trong năm 2022:

1. Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ phụ trợ kho:

- Hiện Công ty đã cho thuê 20.550m², đạt gần 90% diện tích kho 23.328m². Trong đó: khách hàng có thời hạn hợp đồng thuê trên 03 năm là 8.763m² đạt 37,6% tổng diện tích kho; khách hàng có thời hạn hợp đồng còn 01 năm là 10.712m² chiếm 46% tổng diện tích kho (trong đó Cty Circle-K là 5.346m² và Công ty gỗ Tân Nhật là 5.366m²). Hai khách hàng này khả năng gia hạn hợp đồng dài hạn là rất cao vì hiện khách hàng đang hoạt động rất tốt và ổn định thông qua lưu lượng hàng hóa xuất nhập kho. Phần diện tích 2.778m² đã hết hạn vào cuối năm 2021, Công ty vẫn đang đàm phán cho khách hàng mới thuê với giá bằng giá cũ hoặc tốt hơn nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
- Thời gian tới, Công ty cố gắng cùng đồng hành và quan hệ tốt với các khách hàng hiện hữu để duy trì ổn định hoạt động kinh doanh này.

- Trên cơ sở nguồn khách hàng thuê kho hiện tại, Công ty tiếp tục đàm phán nhằm tăng thêm khả năng cung ứng dịch vụ cho khách hàng, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có của Công ty. Chuẩn bị sẵn sàng cho việc chuyển đổi công năng sử dụng của khu đất từ kinh doanh kho bãi đơn thuần sang kinh doanh kho bãi kết hợp sản xuất, nhằm mở rộng nguồn khách hàng của Công ty.

2. Kinh doanh xăng dầu:

Với tình hình kinh doanh xăng dầu như hiện nay, Công ty cố gắng duy trì hoạt động bán buôn và bán khách hàng công nghiệp nhằm đảm bảo dòng tiền hoạt động của Công ty, cũng như đạt lợi nhuận đủ để trang trải chi phí của bộ phận phụ trách kinh doanh ngành hàng này.

Về hoạt động bán lẻ xăng dầu, do tình hình giá xăng dầu có nhiều biến động, nhiều thời điểm chiết khấu hoa hồng về tới cây xăng bị âm, bán lẻ gặp nhiều khó khăn, xác định vì mục đích lâu dài, Cty đã cố gắng đảm bảo nguồn hàng, giữ chân và tìm kiếm khách hàng, nâng cao sản lượng, hướng tới tăng lợi nhuận khi điều kiện kinh doanh thuận lợi.

3. Chuyển nhượng và thanh lý tài sản:

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua Tờ trình về việc chuyển nhượng CHXD số 01 tại Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, HĐQT và Ban Điều hành sẽ tiếp tục nỗ lực tìm kiếm cơ hội để tổ chức đấu giá và hoàn thành việc chuyển nhượng tài sản đảm bảo đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 đã thông qua.

4. Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ kinh doanh xăng dầu và hoạt động khác:

- Kế hoạch trong năm 2022 chủ yếu tập trung vào công tác tìm kiếm khách hàng, nâng cao tay nghề, chuyên nghiệp hóa đội ngũ CBCNV hoạt động trong lĩnh vực trang trí quảng cáo tại cây xăng.

- Công ty sẽ triển khai hoạt động kinh doanh nông sản và các mặt hàng khác tùy thuộc vào thời điểm trong năm nếu điều kiện tài chính của Công ty cho phép và thị trường thuận lợi với mục tiêu chính của hoạt động này là đảm bảo kinh doanh không lỗ, tăng doanh thu, đảm bảo dòng tiền và lợi nhuận cho Cty.

Bảng chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022:

STT	Khoản mục	Xăng Dầu		Thuê kho	Dịch vụ phụ trợ kho	Tổng
		Bán buôn	Bán lẻ			
1	Số lượng (m^3)	3.600	1.000			
2	Doanh thu (tỷ đồng)	72,0	21,0	17,2	0,5	110,7
3	Chi phí (tỷ đồng)	71,2	19,8	7,4	0,3	98,7
4	Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	0,8	1,2	9,8	0,2	12,0
5	Chi phí chung (tỷ đồng)					
	Chi phí bán hàng					2,6
	Chi phí qly DN					4,6
	Chi phí tài chính					2,0
6	Lợi nhuận kế toán trước thuế (tỷ đồng)					2,8

Bảng chi tiết kế hoạch SXKD năm 2022 chưa bao gồm kết quả chuyển nhượng cây xăng số 01 của Công ty và kinh doanh nông sản (nếu có).

* Những chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch SXKD năm 2022:

1. Tổng doanh thu:	110,7 tỷ
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	2,8 tỷ
3. Quỹ lương:	6,0 tỷ
Thu nhập bình quân của CBCNV: 15,6 triệu/người/tháng	

III. Một số công tác khác phải thực hiện trong năm 2022 - 2023:

1. Tiếp tục đàm phán với Ngân hàng để giảm lãi suất trong điều kiện Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất trần, tái tài trợ tín dụng, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế tài chính để huy động thêm nguồn vốn từ cán bộ công nhân viên công ty cũng như từ bên ngoài nhằm tăng nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Chú trọng nâng cao năng suất lao động, trình độ chuyên môn cho CBCNV thông qua việc hỗ trợ kinh phí học tập. Vun đắp truyền thống đoàn kết, gắn bó giữa CBCNV và Công ty thông qua các hoạt động tập thể như du lịch, gặp mặt gia đình CBCNV ... Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng đoàn kết, thân thiện, nhiệt huyết cả về đối nội lẫn đối ngoại.

Thay mặt Ban lãnh đạo Cty CP Kho vận Petec, chúng tôi cảm ơn sự tin tưởng của ĐHĐCĐ và quyết tâm làm hết sức mình cùng với sự hỗ trợ và ủng hộ của toàn thể các cổ đông đưa Cty CP Kho vận Petec ổn định và phát triển một cách vững chắc.

Xin cảm ơn !

TM Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch

Hoàng Minh Tuấn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022	01/4/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.646.164.032	4.760.397.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	942.738.586	1.541.812.620
1. Tiền	111		942.738.586	1.541.812.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.184.021.385	2.726.896.716
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.663.339.010	9.335.262.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.009.314.845	9.961.434.545
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	842.041.289	1.028.607.812
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(18.355.080.399)	(17.598.407.699)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		24.406.640	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1.451.359.780	394.479.726
1. Hàng tồn kho	141		1.451.359.780	394.479.726
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.044.281	97.208.392
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	68.044.281	94.971.978
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.236.414
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2022	01/4/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.299.605.867	34.283.031.762
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		166.000.000	166.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	166.000.000	166.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.552.041.785	27.219.600.121
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	10.676.341.160	11.926.550.872
- Nguyên giá	222		32.651.369.958	32.433.745.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.975.028.798)	(20.507.194.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	14.875.700.625	15.293.049.249
- Nguyên giá	228		18.562.280.139	18.562.280.139
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.686.579.514)	(3.269.230.890)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	7.225.475.335	6.299.942.461
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.554.567.000	11.554.567.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.329.091.665)	(15.254.624.539)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		356.088.747	597.489.180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	356.088.747	597.489.180
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		37.945.769.899	39.043.429.216

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2022	01/4/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.016.730.839	48.664.503.739
I. Nợ ngắn hạn	310		39.872.666.339	42.198.954.839
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	6.566.547.742	6.978.505.122
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	379.110.000	366.470.166
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	151.459.032	274.673.245
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	209.420.720	35.836.500
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	897.874.020	736.180.506
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	5.430.649.825	5.659.704.700
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	26.237.605.000	28.147.584.600
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.144.064.500	6.465.548.900
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	5.144.064.500	6.465.548.900
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2022	01/4/2021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(7.070.960.940)	(9.621.074.523)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	(7.070.960.940)	(9.621.074.523)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.929.061.690	1.929.061.690
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(80.925.522.630)	(83.475.636.213)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(83.475.636.213)	(84.893.758.408)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.550.113.583	1.418.122.195
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		37.945.769.899	39.043.429.216

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Lê Thị Quỳnh Trang

Mai Huy Hoàng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		82.312.293.451	69.259.294.316
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	82.312.293.451	69.259.294.316
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	71.001.594.795	58.180.829.397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.310.698.656	11.078.464.919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	40.849.375	37.858.228
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.330.788.263	3.177.594.755
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.256.321.137	2.767.639.240
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	2.241.469.483	2.656.134.299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	5.159.176.868	4.090.081.291
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		2.620.113.417	1.192.512.802
11. Thu nhập khác	31	VI.6	166	242.959.393
12. Chi phí khác	32	VI.7	70.000.000	17.350.000
13. Lợi nhuận/ (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(69.999.834)	225.609.393
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.550.113.583	1.418.122.195
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.550.113.583	1.418.122.195
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	355	197
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	355	197

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Quỳnh Trang



Mai Huy Hoàng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.550.113.583	1.418.122.195
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-9	1.885.183.066	1.922.093.921
- Các khoản dự phòng	03	VI.4,5b	(168.860.174)	426.637.265
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(39.916.735)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(932.640)	(11.517.780)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.256.321.137	2.767.639.240
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.481.908.237	6.522.974.841
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(211.270.871)	83.072.459
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(1.056.880.054)	(61.561.483)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.697.570.296)	2.593.177.591
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		268.328.130	(272.263.452)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.256.321.137)	(2.767.639.240)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.528.194.009	6.097.760.716
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(217.624.730)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	10.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		932.640	608.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(216.692.090)	11.517.780

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	49.361.190.200	45.944.943.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(51.271.169.800)	(50.635.914.400)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(264.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.909.979.600)	(4.954.971.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		(598.477.681)	1.154.307.096
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.541.812.620	387.505.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(596.353)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	942.738.586	1.541.812.620

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Quỳnh Trang



Mai Huy Hoàng

